

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Số 3189 Ngày 10/05/2021

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1329/UBND-KTN
V/v phát triển ngành nghề nông
thôn trên địa bàn tỉnh.

Điện Biên, ngày 10 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 2613/BNN-KTHT ngày 07/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc gửi Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP (có bản sao kèm theo), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, điều kiện và tình hình thực tế của các cơ quan, đơn vị: Có trách nhiệm nghiên cứu Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP kèm theo Công văn số 2613/BNN-KTHT ngày 07/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; chủ động tham mưu UBND tỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP kèm theo Công văn số 2613/BNN-KTHT ngày 07/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành, điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; đồng thời chủ động tham mưu UBND tỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền.

Nhận được văn bản này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo nội dung yêu cầu./.

Nơi nhận:

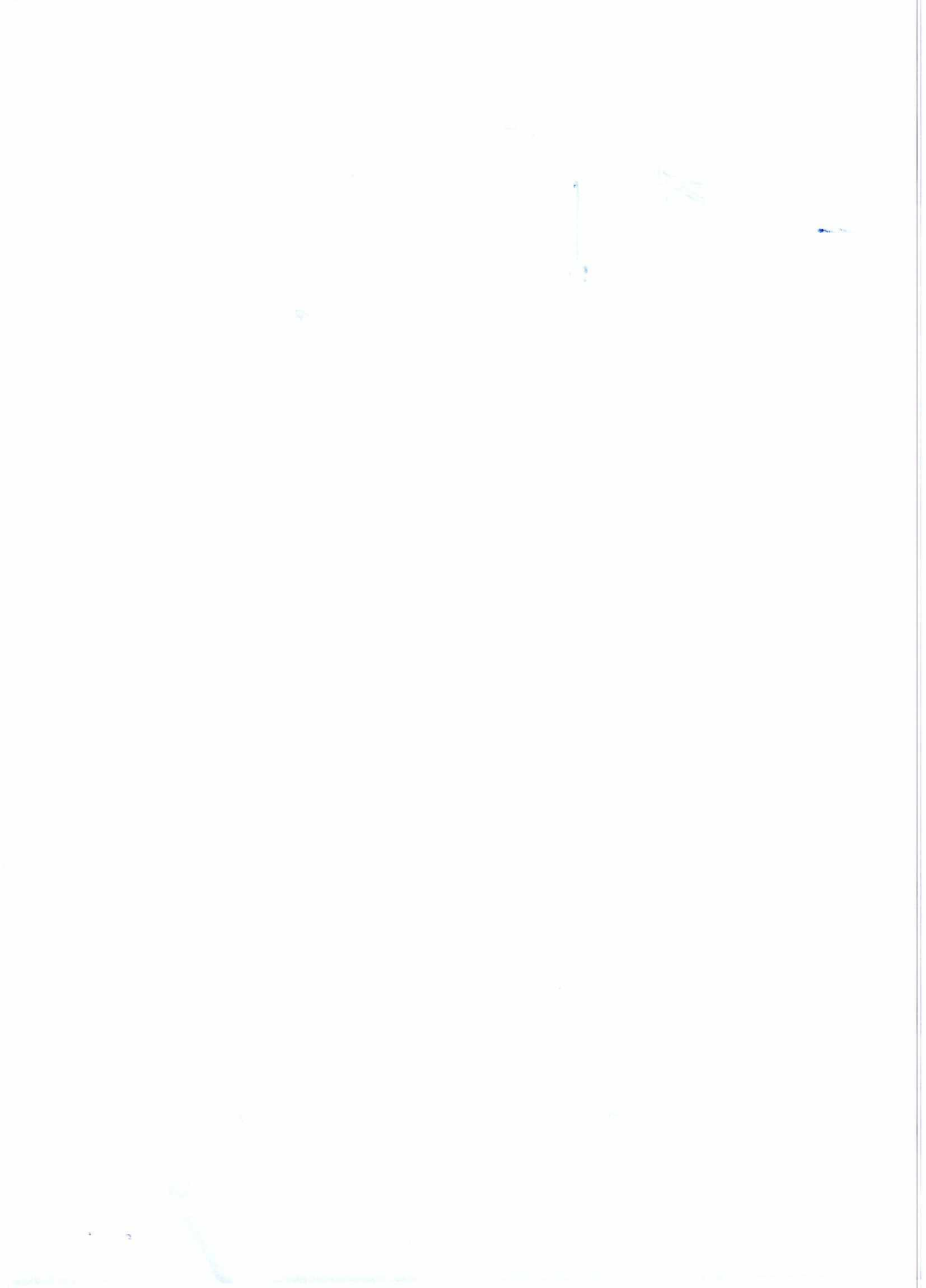
- Như trên;
- Lưu: VT, KTN_(TVH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



↓

Lò Văn Tiến



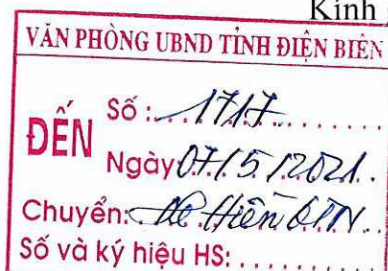
**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 2613 /BNN-KTHT
V/v gửi Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện
Nghị định số 52/2018/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:



- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 1877/VPCP-NN ngày 22/3/20201 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung, hoàn thiện Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bổ sung, hoàn thiện và xin gửi lại Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn để các Bộ, ngành và địa phương biết thực hiện (Báo cáo kèm theo Công văn này thay thế cho Báo cáo số 126/BC-BNN-KTHT ngày 08/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam
Trần Thanh Nam

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO

**Sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về
phát triển ngành nghề nông thôn**

*(Kèm theo Công văn: /BNN-KTHT ngày tháng 5 năm 2021
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

Thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 6602/VPCP-NN ngày 11/8/2020, Công văn số 1877/VPCP-NN ngày 22/3/2021 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung, hoàn thiện Báo cáo số 126/BC-BNN-KTHT ngày 08/01/2021 về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Công tác ban hành chính sách

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Nghị định tại Quyết định số 1511/QĐ-BNN-KTHT ngày 04/5/2019; xây dựng kế hoạch cho các hoạt động hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn hàng năm và lồng ghép vào kế hoạch đầu tư trung hạn thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới; tổ chức các hội thảo, hội nghị đề định hướng phát triển làng nghề; tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển làng nghề tại các địa phương; phối hợp với các hiệp hội để khôi phục tổ chức Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2020; tổ chức các Hội chợ Làng nghề và sản phẩm OCOP hàng năm tại các vùng, địa phương và tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định.

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2019/TT-BTC quy định các nội dung chi, mức chi hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới; Bộ Công thương ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BCT quy định việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia và tổ chức xét phong tặng nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú làng nghề; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và một số quy chuẩn áp dụng cho ngành nghề sản xuất, kinh doanh đặc thù liên quan đến làng nghề; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, làng nghề; hỗ trợ triển khai một số mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ xử lý chất thải... để khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường.

Các địa phương đã rà soát thống nhất giao nhiệm vụ chủ trì quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành nghề nông thôn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Xây dựng các chương trình, kế hoạch báo cáo và phát triển ngành nghề

nông thôn, làng nghề. Một số địa phương đã ban hành quy định, nội dung, định mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo nhiệm vụ được giao.

2. Triển khai các chính sách hỗ trợ

Các Bộ, ngành đã quan tâm hỗ trợ xây dựng và triển khai các mô hình, dự án thí điểm về khuyến công, hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ tại một số cụm công nghiệp; hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng cho các HTX, tổ hợp tác; hỗ trợ cấp nhãn chứng nhận và sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đã tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đánh giá công tác quản lý nhà nước, tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

Các địa phương rà soát nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; mở các lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành nghề nông thôn, cán bộ hợp tác xã và người dân tại các địa phương và triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ như: Xúc tiến thương mại, chuyển giao KHKT, xây dựng các dự án, mô hình phát triển ngành nghề nông thôn. Một số địa phương đã triển khai quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề, tạo điều kiện di dời các cơ sở sản xuất, làng nghề gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Trong đó điển hình là thành phố Hà Nội đã quy hoạch đầu tư 19 cụm công nghiệp làng nghề, tỉnh Bắc Ninh 7 cụm, Hà Tĩnh có 4 cụm; Ninh Bình có 02 cụm; Hải Phòng có 01 cụm và Nam Định có 01 cụm công nghiệp làng nghề, Bình Dương đã phê duyệt Đề án “Bảo tồn và Phát triển làng nghề sơn mài truyền thống Tương Bình Hiệp gắn với phát triển du lịch” với quy mô 5,4 ha, tổng kinh phí 105 tỷ đồng.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Phát triển ngành nghề nông thôn

a) Về tổ chức sản xuất

Đến năm 2020, có 817.000 cơ sở tham gia sản xuất kinh doanh, tăng 119.000 cơ sở so với năm 2017 thời điểm trước khi có Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, trong đó: nhóm sản xuất sản phẩm thủ công mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ, điêu khắc có số lượng nhiều nhất với 288.417 cơ sở, chiếm 35,3%; nhóm các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn có 196.875 cơ sở, chiếm 24,1%; nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 187.751 cơ sở, chiếm 23%; tiếp đến là nhóm sản xuất hàng mỹ nghệ 65.948 cơ sở, chiếm 8,1%; nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh 38.151 cơ sở với hơn 4.600 doanh nghiệp và trên 11.000 chủ nhà vườn, chiếm 4,7%; nhóm xử lý chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn 33.166 cơ sở, chiếm 4,1% và nhóm sản xuất muối có 33 hợp tác xã, 6.761 cơ sở, chiếm 0,8%.

Tổng số lao động tham gia sản xuất kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn trên 2,3 triệu lao động, tăng 300 nghìn lao động (15%) so với năm 2017, trong đó số lao động thường xuyên chiếm 75%, lao động thời vụ chiếm 25%. Lao động tại địa phương trong các làng nghề chủ yếu là người cao tuổi lao động

đồng/người/tháng, cao gấp hơn 2 lần lao động thuần nông.

Các tổ chức sản xuất ngành nghề nông thôn hiện nay bao gồm 9.459 doanh nghiệp; 3.382 hợp tác xã; 6.553 tổ hợp tác và trên 797.600 hộ gia đình. Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, hình thức tổ chức sản xuất đã có xu hướng chuyển sang các mô hình tổ chức liên kết sản xuất, trong đó tăng 3.459 doanh nghiệp, 882 hợp tác xã và 1.553 tổ hợp tác. Ở nhiều địa phương đã hình thành hệ thống các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư liên kết với các hộ gia đình, làng nghề trong cung ứng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làm tăng nhanh sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất, góp phần tăng thu nhập cho người lao động và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Điển hình tại tỉnh Ninh Bình và Vĩnh Long đã hình thành một số doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng mây, tre, lá liên kết với hàng trăm làng nghề, hàng chục nghìn hộ gia đình để đào tạo nghề, cung cấp nguyên liệu, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Nhìn chung, hình thức tổ chức sản xuất hiện nay chủ yếu ở quy mô nhỏ (90% là sản xuất tại các hộ gia đình, ngoài khu dân cư chỉ chiếm 10%), thiếu sự liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị từ đào tạo, thiết kế, sản xuất nguyên liệu đến sản xuất chế biến, phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Nguồn nguyên liệu đang bị suy giảm nghiêm trọng và thiếu sự quy hoạch tổng thể.

b) Kết quả sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu

Tổng doanh thu từ các hoạt động ngành nghề nông thôn hiện nay đạt 236.200 tỷ đồng, tăng 40.000 tỷ đồng (20,5%) so với năm 2017, trong đó các nhóm ngành nghề sản xuất đồ gốm sứ, mây tre đan, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ, điêu khắc có giá trị cao nhất: 92.900 tỷ đồng, chiếm 39,3%; nhóm các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn: 67.818 tỷ đồng, chiếm 28,7%; các nhóm ngành nghề khác: 75.482 tỷ đồng, chiếm 32%.

Mức độ tăng trưởng xuất khẩu trong những năm qua khá cao, đạt bình quân khoảng 10%/năm. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ đạt 2,35 tỷ USD, tăng 0,6 tỷ USD so với năm 2017, trong đó có một số mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn như: các sản phẩm gốm sứ đạt 539 triệu USD; sản phẩm mây tre cói thảm đạt 484 triệu USD; sản phẩm thêu, dệt thủ công đạt 139 triệu USD. Tuy trong bối cảnh của dịch Covid-19 nhưng 7 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm gốm sứ vẫn đạt 309 triệu USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2019; sản phẩm mây tre cói thảm đạt 250 triệu USD tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2019; sản phẩm thêu, dệt thủ công đạt 90 triệu USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2019. Hiện hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam đã có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thị trường xuất khẩu chính vẫn là Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu.

Để tăng cường trao đổi, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng năm các tỉnh đã hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề tham gia các hội chợ trong và ngoài tỉnh như: Hội chợ triển lãm “Mỗi xã, phường một sản phẩm”, hội chợ Thương mại, hội chợ Agroviet, hội chợ OCOP, hội chợ làng nghề... Một số địa phương cũng quan tâm tổ chức các gian trưng bày giới thiệu sản phẩm của các làng nghề tại các lễ hội, sự kiện du lịch lớn của

tỉnh và hỗ trợ cấp chứng nhận thương hiệu, chỉ dẫn địa lý. Từ năm 2018 đến nay đã cấp được 337 nhãn hiệu tập thể, 165 nhãn hiệu chứng nhận và 15 chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Hiện nay việc duy trì và phát triển ngành nghề nông thôn chủ yếu là do các hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tổ hợp tác và hợp tác xã ở địa phương đảm nhận để thu hút lao động tại chỗ và thời gian rảnh rỗi ở nông thôn, kể cả lao động không còn đủ điều kiện làm việc ở đô thị, khu công nghiệp, thậm chí là các lao động tàn tật, người nghèo ở nông thôn. Tuy nhiên, việc tính thuế thu nhập, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các chủ thể này được quy định “ngang bằng” và “bình đẳng” như các doanh nghiệp ngành công nghiệp khác là một bất cập, khó khăn cho các cơ sở sản xuất ngành nghề ở nông thôn. Đến nay, các yêu cầu hợp chuẩn hàng hóa quốc tế ngày càng tăng trong khi nhiều cơ sở sản xuất hàng hóa ở khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn.

c) Công tác đào tạo nghề, phong tặng danh hiệu nghệ nhân và chuyển giao khoa học công nghệ

Trong giai đoạn 2018-2020, các địa phương đã mở các lớp tập huấn cho trên 500 lượt cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành nghề nông thôn, cán bộ hợp tác xã; đào tạo được 800 lao động tại các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT); đào tạo khởi sự doanh nghiệp, cán bộ khuyến công cho hơn 5.700 học viên và đào tạo, tập huấn được trên 35.000 lao động ngành nghề nông thôn. Đến năm 2020, cả nước có 627 nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú và 652 thợ giỏi làng nghề được phong tặng, trong đó giai đoạn 2018-2020 phong tặng được 137 nghệ nhân và 140 thợ giỏi. Nhìn chung, công tác đào tạo nghề, truyền nghề còn nhiều hạn chế, chưa có chính sách khuyến khích lao động giỏi, nghệ nhân dạy nghề, truyền nghề, các cơ sở đào tạo nghề, nhất là các doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết đào tạo nghề. Công tác tôn vinh, phong tặng danh hiệu nghệ nhân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân triển khai còn chậm và chưa thường xuyên. Nhiều địa phương chưa chú trọng đến việc phong tặng danh hiệu nghệ nhân làm cơ sở để đề xuất phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân.

Về chuyển giao khoa học công nghệ đã triển khai được 51 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; 42 nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ; 60 mô hình, dự án thí điểm về phát triển ngành nghề nông thôn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và 100 mô hình thuộc Chương trình khuyến công quốc gia. Các nội dung hỗ trợ chủ yếu là mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án với mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án, còn lại là đối ứng của cơ sở được hỗ trợ. Kết quả các hoạt động đã bước đầu mang lại hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Hiện nay các cơ sở sản xuất kinh doanh cũng đã chú ý đầu tư máy móc vào một số công đoạn sản xuất như: sơ chế, hoàn thành nguyên liệu thô trước khi hoàn thiện sản phẩm. Tuy vậy, do

khai thác, sơ chế nguyên liệu và chế biến sản phẩm còn kém phát triển dẫn đến lãng phí nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu không cao, môi trường bị ô nhiễm.

d) Vai trò của các hội, hiệp hội ngành hàng trong phát triển ngành nghề nông thôn

Hiện cả nước có nhiều các hội, hiệp hội ngành hàng liên quan đến ngành nghề nông thôn, làng nghề. Một số hiệp hội như Hiệp hội xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam (VIETCRAFT), Hiệp hội Làng nghề, Hiệp hội Gốm sứ, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa... đã thể hiện được một phần vai trò đại diện, hỗ trợ thành viên trong sản xuất, thương mại, phát triển ngành nghề nông thôn như đẩy mạnh xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, tư vấn đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ cải tiến thiết kế mẫu mã, thông tin tuyên truyền... Nhưng đa số các hội, hiệp hội nghề nông thôn hiện nay là các hiệp hội hoạt động ở các địa phương, thiếu các hiệp hội ngành hàng chủ lực cấp quốc gia, vì thế vai trò liên kết ngành của các tổ chức hiệp hội còn yếu, thiếu sự gắn kết giữa hiệp hội với các doanh nghiệp; chất lượng nguồn nhân lực, tài chính cũng như các định hướng hoạt động của các hội, hiệp hội chưa đáp ứng được yêu cầu của các hội viên. Nhiều hội viên doanh nghiệp cũng chưa xác định được vai trò về việc liên kết hợp tác để cùng phát triển. Sự liên kết giữa các hiệp hội nghề ở các địa phương với nhau, giữa hiệp hội với doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, hoạt động còn mang tính đơn lẻ; vai trò và tiếng nói của các hội và hội viên còn mờ nhạt.

2. Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống

a) Kết quả công nhận nghề, làng nghề truyền thống

Từ năm 2018 đến nay, các địa phương đã rà soát và công nhận được 25 nghề truyền thống, 94 làng nghề và làng nghề truyền thống và thu hồi giấy chứng nhận của 106 làng nghề do không đáp ứng được tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. Đến nay cả nước có 165 nghề truyền thống; 1.951 làng nghề, trong đó có 1.062 làng nghề và 889 làng truyền thống đã được công nhận. Việc công nhận nghề, làng nghề truyền thống đã góp phần khôi phục và phát triển được nhiều nghề truyền thống như: nghề thêu ren, dệt lụa, gốm sứ, sơn mài, khảm trai, mây tre đan lá, điêu khắc và phát triển nhanh các nghề mới gắn với quá trình công nghiệp hóa như: bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm, gây trồng sinh vật cảnh. Các làng nghề ngoài việc tạo thêm nhiều việc làm, sản phẩm có giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân, còn giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn gìn giữ không gian, cảnh quan làng nghề, nét đẹp văn hóa truyền thống và có tiềm năng lớn phát triển du lịch, dịch vụ.

Tuy nhiên theo tiêu chí công nhận làng nghề với yêu cầu phải có tối thiểu 20% số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn, nên nhiều làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc nhưng không đáp ứng tiêu chí này. Vì vậy cần có tiêu chí đặc thù đối với nhóm nghề, làng nghề truyền thống này để có cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể.

b) Hỗ trợ bảo tồn nghề, làng nghề truyền thống

Những năm gần đây nhiều địa phương đã quan tâm xây dựng và triển khai

làm tại chỗ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn; mặt khác là để lưu giữ và phát triển những sản phẩm nghề thủ công truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đã từng làm rạng rỡ văn hóa Việt Nam và được bạn bè trên thế giới biết đến. Qua đó đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn và giữ gìn truyền thống tương thân, tương ái, văn hóa tâm linh độc đáo của người Việt trong các làng nghề.

Các chương trình bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề ở các địa phương thường tập trung vào việc rà soát, lập danh mục nghề, làng nghề cần bảo tồn, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng để bảo tồn làng nghề gắn với phát triển văn hóa, du lịch (trung tâm, cửa hàng chợ, giới thiệu và mua bán sản phẩm...); hỗ trợ đào tạo dạy nghề, truyền nghề; hỗ trợ thành lập câu lạc bộ, hội, hiệp hội nghề ở địa phương; bảo tồn không gian làm nghề truyền thống và các giá trị di sản văn hóa nghề như phòng trưng bày giới thiệu, nhà thờ tổ nghề... Điển hình như thành phố Hà Nội có 02 làng nghề truyền thống đã áp dụng mô hình phát triển làng nghề truyền thống, di tích văn hóa gắn với du lịch rất nổi tiếng và thành công như: Làng gốm Bát Tràng và làng lụa Vạn Phúc; tỉnh Thừa Thiên Huế (du lịch làng làm Hoa giấy Thanh Tiên, Tranh dân gian làng Sinh), tỉnh Đồng Tháp (làng trồng Hoa Sa Đéc)... Bên cạnh đó, một số địa phương cũng quan tâm tổ chức các cuộc thi tay nghề, festival nghề truyền thống để quảng bá nghề và vinh danh các nghệ nhân, thợ giỏi làm sống dậy các nghề, làng nghề truyền thống góp phần thúc đẩy bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển du lịch dịch vụ. Đến nay cả nước có tổng số 175/1951 làng nghề (chiếm 9%) đã gắn với phát triển du lịch, hàng năm thu hút hàng trăm nghìn lượt khách; có 2 làng nghề truyền thống được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là Làng nghề Sơn Mài Tương Bình Hiệp, tỉnh Bình Dương và Làng nghề Đúc Đồng Trà Đông, tỉnh Thanh Hóa. Nhìn chung, công tác bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trên cả nước đã có sự chuyển biến tích cực không chỉ về nhận thức của các cấp, các ngành mà còn có sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội ngành nghề.

Tuy vậy, việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ bảo tồn nghề, làng nghề truyền thống còn nhiều hạn chế. Trước tiên là việc chậm ban hành chính sách, xây dựng các chương trình, đề án, dự án bảo tồn phát triển làng nghề truyền thống. Sự lúng túng của các địa phương trong việc xác định giải pháp bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống cũng là hạn chế khá phổ biến. Nhiều đề án, dự án chỉ tập trung hỗ trợ xúc tiến thương mại, chưa chú trọng nâng cao chất lượng chất lượng, bản sắc văn hóa, tính độc đáo của nghề và sản phẩm làng nghề. Ngoài ra, các chương trình, đề án bảo tồn phát triển nghề còn nhiều hạn chế khác như chưa quan tâm đến quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu cho làng nghề; chưa quan tâm đúng mức và có chính sách hỗ trợ, tôn vinh nghệ nhân thợ giỏi, đào tạo truyền nghề; thiếu đất đai xây dựng mặt bằng sản xuất; thiếu các công trình, hạ tầng phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường và thiếu các cơ chế để xã hội hóa việc thu hút đầu tư phát triển nghề, làng nghề truyền thống. Bảo tồn và phát

với điều kiện của mỗi trường hợp cụ thể, vì thế Chính phủ cần có Đề án hướng dẫn, giao nhiệm vụ cụ thể để các địa phương có căn cứ thực hiện.

3. Phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với chương trình OCOP

Chương trình OCOP hiện nay đã trở thành phong trào sản xuất ở nông thôn với nhiều dịch vụ, sản phẩm có mẫu mã, chất lượng và giá trị thương mại cao, hình thành nhóm sản phẩm đặc sản vùng miền. Đến năm 2020 cả nước đã có trên 3.000 sản phẩm được chuẩn hóa và cấp giấy chứng nhận từ 3 sao trở lên. Tuy nhiên, số lượng dịch vụ và sản phẩm OCOP của các làng nghề, làng nghề truyền thống còn khá khiêm tốn, mặc dù tiềm năng của khu vực này là rất lớn. Theo thống kê, hiện nay chỉ có 103/1951 làng nghề, làng nghề truyền thống có sản phẩm tham gia được cấp giấy chứng nhận từ 3 sao trở lên. Việc thúc đẩy các làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia Chương trình OCOP sẽ là điều kiện để bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc ở nông thôn.

4. Phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với bảo vệ môi trường nông thôn

Phát triển ngành nghề nông thôn tuy mang lại nhiều lợi ích to lớn về kinh tế, văn hóa và xã hội, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ về ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề, cụm nghề. Trong 47 làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố, hiện nay còn 13 làng nghề (chiếm 28%) vẫn chưa có dự án xử lý ô nhiễm môi trường. Các làng nghề khác đã được xử lý dứt điểm và khắc phục được hạn chế cụ thể: 02 làng nghề (chiếm 4%) đã hoàn thành khắc phục hoàn toàn tình trạng ô nhiễm môi trường trước đây (làng nghề bún Vân Cù và làng nghề bún Ô Sa, tỉnh Thừa Thiên Huế); 24 làng nghề (chiếm 51%) đang triển khai thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm; 08 làng nghề (chiếm 17%) chưa có dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, nhưng đã chuyển đổi ngành nghề sản xuất, di dời các cơ sở sản xuất vào khu sản xuất tập trung hoặc buộc chấm dứt hoạt động. Bên cạnh đó, cả nước hiện còn 54% tổng số hộ, cơ sở ngành nghề nông thôn được đánh giá là có tác động xấu tới môi trường ở các cấp độ khác nhau gây ô nhiễm không khí, nước và đất. Mới chỉ có 423/1951 làng nghề, chiếm 21,7% có hệ thống xử lý chất thải, trong đó 16,1% làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường và 20,9% số lượng làng nghề có điểm thu gom chất thải rắn công nghiệp. Vấn đề ô nhiễm môi trường hoàn toàn có thể khắc phục được nếu các cơ sở sản xuất, làng nghề quan tâm và kiểm soát tốt quy trình, công nghệ sản xuất, các địa phương quan tâm hỗ trợ thực hiện các giải pháp khắc phục và chống ô nhiễm môi trường làng nghề.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, lĩnh vực ngành nghề nông thôn liên tục phát triển và thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Bên cạnh doanh thu đạt trên 236 ngàn tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam tăng trung bình

tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Ở trong nước, ngành nghề nông ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn (83% thu nhập hộ nông dân là từ phi nông nghiệp) và tạo việc làm cho trên 2,3 triệu lao động nông thôn (chưa kể lao động sản xuất nguyên liệu cung cấp cho sản xuất ngành nghề). Sản xuất có xu hướng chuyển mạnh sang mô hình liên kết theo chuỗi giá trị. Nhiều nghề, làng nghề truyền thống được phục hồi, bảo tồn và phát triển và phát triển nhanh các ngành nghề mới gắn với quá trình công nghiệp hóa, đã tạo được nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động khu vực nông thôn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

Các Bộ, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đã nghiêm túc triển khai xây dựng và ban hành kế hoạch, các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề của địa phương, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định theo quy định. Nhiều địa phương đã phê duyệt và thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, chương trình bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống; rà soát và thống nhất đầu mối quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động ở các lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Tổ chức các cuộc thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thi sản phẩm công nghiệp địa phương và tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi. Một số địa phương và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề đã chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề thông qua các hoạt động như liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình trong cung ứng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ đào tạo nghề và xúc tiến thương mại.

2. Những hạn chế, khó khăn

Nhận thức còn có nhiều hạn chế của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ và nhân dân về tầm quan trọng, vai trò, vị trí của việc phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống trong cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng nông thôn mới và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vùng, miền.

Một số địa phương còn lúng túng chưa cụ thể hóa các nhiệm vụ, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương. Việc xét phong tặng, tôn vinh nghệ nhân, hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi đào tạo nghề, truyền nghề với vai trò là hạt nhân quan trọng để phát triển nghề, làng nghề, đặc biệt là các nghề, làng nghề truyền thống và công tác đào tạo, truyền nghề, xây dựng thương hiệu làng nghề chưa được quan tâm đúng mức.

Một số cơ chế chính sách được cho là chưa đủ để thúc đẩy khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở nghề tập trung phát triển ngành nghề nông thôn như: quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, tiền thuê đất chưa phù hợp với đặc thù của ngành nghề nông thôn.

Công tác quy hoạch các làng nghề, vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề chưa được quan tâm. Tiêu chí công nhận làng nghề với yêu cầu phải có tối thiểu 20% số hộ trên địa bàn tham gia chưa phù hợp với điều kiện của các làng có nghề truyền thống độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đang có nguy cơ mai một cần được bảo tồn và phát triển trở lại. Bên cạnh đó lại thiếu hâ

tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của làng nghề.

Những năm qua ngành nghề nông thôn tuy tiếp tục phát triển mạnh nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của ngành. Quá trình phát triển bộc lộ nhiều hạn chế như nguy cơ thiếu nguyên liệu; mẫu mã chưa đa dạng phù hợp với thị hiếu của các thị trường khác nhau; đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi có xu hướng giảm; số lượng nghề, làng nghề truyền thống tiếp tục bị mai một; thiết bị công nghệ sản xuất lạc hậu, quá trình đổi mới công nghệ và hiện đại hóa sản xuất trong các làng nghề diễn ra chậm gây lãng phí nguyên liệu, năng suất lao động thấp; thiếu mặt bằng sản xuất, cơ sở hạ tầng làng nghề chưa đồng bộ, chưa có các trung tâm trưng bày, bảo tồn nghề có quy mô lớn; tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số làng nghề vẫn còn nặng nề; vai trò hỗ trợ của các hội, hiệp hội trong liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu còn mờ nhạt...

Để khắc phục hạn chế này, tận dụng tốt cơ hội và tiềm năng sẵn có của Việt Nam, cần có một **Chiến lược dài hạn về phát triển ngành nghề nông thôn** nhằm tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn và nâng đôi giá trị kim ngạch xuất khẩu của ngành dự kiến vào năm 2025, đồng thời tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo ở nông thôn góp phần thúc đẩy chiến lược “tăng trưởng xanh” của Chính phủ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHO GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trong thời gian tới cơ hội phát triển của khu vực ngành nghề nông thôn là rất lớn. Trên thế giới với 13 Hiệp định FTA về bảo hộ và miễn giảm thuế quan mà Việt Nam đã ký với các nước và khu vực trên thế giới chắc chắn sẽ hỗ trợ tích cực cho việc xuất khẩu các mặt hàng thủ công mỹ nghệ vốn đã phân nào khẳng định được vị trí, chỗ đứng ở thị trường của trên 163 quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau.

Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển cả về lực lượng lao động, nguồn nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm có giá trị, tạo ra sự phát triển lan tỏa đối với kinh tế nông thôn. Trước bối cảnh đó, cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia và địa phương. Tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống, đa dạng hóa sản xuất ở nông thôn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, kế hoạch, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ, tập trung vào việc: (i) Đẩy mạnh công tác rà soát, công nhận làng nghề, nghề và làng nghề truyền thống; (ii) Hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình và các tác nhân liên quan mở rộng quy mô sản xuất, phát triển ngành nghề nông thôn thông qua các hoạt động như hỗ trợ xây dựng hạ tầng, mặt bằng sản xuất, đầu tư tín dụng, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, đào tạo

quản lý, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống; xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống; các dự án hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất của các làng nghề, cụm nghề.

3. Tiếp tục rà soát điều chỉnh các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn nhằm tháo gỡ khó khăn và phù hợp với yêu cầu giai đoạn tới, tập trung vào các chính sách: Hỗ trợ tín dụng, mặt bằng sản xuất; tôn vinh và hỗ trợ nghề nhân đào tạo, truyền nghề; khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại hóa sản xuất trong các làng nghề; đặc biệt là các chính miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất đối với các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn.

4. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn; Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, kế hoạch phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 của từng địa phương.

5. Tổ chức lại sản xuất ngành nghề nông thôn, làng nghề theo hướng hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; phát triển kinh tế tập thể, trọng tâm là các THT, HTX kiểu mới tham gia chuỗi giá trị sản phẩm; phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; xúc tiến thương mại; đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ tay nghề, kiến thức về quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, an toàn lao động và hợp chuẩn quốc tế cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp để tạo được các ngành hàng mạnh.

6. Nâng cao vai trò của các hiệp hội, liên kết các hội, doanh nghiệp của các địa phương với nhau để thành lập mới các hội, hiệp hội nghề ở quy mô toàn ngành, quốc gia; khuyến khích xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển sáng tạo đối với một số ngành nghề thủ công chủ lực của Việt Nam theo các hình thức xã hội hóa, hợp tác công tư huy động sự tham gia, đóng góp của các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn.

V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động xếp loại làng nghề; hướng dẫn tiêu chí công nhận nghề nhân, thợ giỏi; hoàn thiện xây dựng Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021-2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề thủ công cho lao động nông thôn gắn với doanh nghiệp. Mở lớp tập huấn chuyên đề cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất có nhu cầu hướng dẫn về các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hợp chuẩn quốc tế.

- Tổ chức các Hội chợ làng nghề, Hội thi các sản phẩm thủ công mỹ nghệ thường niên để quảng bá, xúc tiến thương mại và tôn vinh các nghề nhân, thợ giỏi, các nhà thiết kế các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

- Phối hợp với các địa phương rà soát quy hoạch vùng nguyên liệu, chỉ đạo việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát huy thế mạnh của mỗi địa phương; triển khai nghiên cứu chọn, tạo và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao để chuyển giao, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định cho phát triển ngành nghề, làng nghề.

- Hướng dẫn hoạt động cho các ban vận động thành lập các hiệp hội ngành hàng chủ lực quy mô vùng, liên vùng và cấp quốc gia. Hỗ trợ và tạo điều kiện để các hội, hiệp hội, doanh nghiệp phối hợp với các địa phương thành lập một số trung tâm bảo tồn và phát triển ngành hàng thủ công mỹ nghệ chủ lực mang tính xã hội hóa.

b) Các Bộ, Ban, ngành liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP và tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

Bộ Tài nguyên và Môi trường: Rà soát sửa đổi các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề về đất đai, mặt bằng sản xuất; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ô nhiễm nghiêm trọng nhưng không có khả năng di dời vào khu, cụm công nghiệp; tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các đề án, dự án bảo vệ môi trường làng nghề.

Bộ Công thương: Chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở cửa thị trường đối với các sản phẩm hàng hóa ngành nghề nông thôn. Tuyên truyền, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hàng hóa, các hợp chuẩn quốc tế của các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau.

Bộ Khoa học và Công nghệ: Hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, xây dựng và chuyển giao các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ cho các cơ sở sản xuất, làng nghề. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ thân thiện với môi trường trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn, làng nghề.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chỉ đạo ngành thống kê nghiên cứu điều chỉnh, xây dựng chỉ tiêu thống kê về giá trị xuất khẩu các sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ để phân biệt với các sản phẩm cùng loại sản xuất công nghiệp.

Bộ Tài chính: Nghiên cứu chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thuê đất và tín dụng ưu đãi hỗ trợ phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh đặc thù của các ngành nghề thủ công.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Nghiên cứu tổ chức đưa các lao động ngành nghề nông thôn đi thi tay nghề thủ công mỹ nghệ tại các cuộc thi tay nghề thế giới. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ cho lao động nông thôn gắn với doanh nghiệp.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo phát triển du lịch, văn hóa gắn với làng nghề; hỗ trợ xây dựng và triển khai các dự án phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, xúc tiến du lịch, nhất là xây dựng và triển khai thực hiện các tuyến, điểm du lịch gắn với làng nghề.

2. Đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát ngành nghề nông thôn, làng nghề, nghệ nhân và xây dựng kế hoạch để chỉ đạo thực hiện hàng năm, đặc biệt là các ngành nghề có tiềm năng, lợi thế phát triển của địa phương.

- Cùng cố, kiện toàn lại chức năng nhiệm vụ và bộ máy, nhân sự quản lý nhà nước đối với lĩnh vực ngành nghề nông thôn, làng nghề ở địa phương, đặc biệt là ở cấp huyện.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025.

- Rà soát lại quy hoạch các làng nghề, các vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề gắn với bảo vệ môi trường; kiểm tra tiến độ di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; gắn phát triển làng nghề với kế hoạch xúc tiến thương mại, phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý.

- Quan tâm công tác đào tạo nghề, truyền nghề, tôn vinh nghệ nhân và có cơ chế chính sách hỗ trợ để duy trì phát triển đội ngũ nghệ nhân, khích lệ động viên các nghệ nhân tham gia thúc đẩy công tác đào tạo nghề, truyền nghề.

- Rà soát, đề xuất danh mục các dự án (quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP) và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp vào Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai nhanh tiến độ đầu tư các khu, cụm công nghiệp làng nghề; hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng làng nghề gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường ở nông thôn.

3. Đối với các hội, hiệp hội ngành nghề

Đề nghị các hội, hiệp hội như Hiệp hội Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam, Hiệp hội Làng nghề, Hiệp hội Gốm sứ, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa (cả ở Trung ương và địa phương) đẩy mạnh đào tạo nghề, hỗ trợ các doanh nghiệp, làng nghề tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, diễn đàn quốc tế về hàng thủ công mỹ nghệ.

VI. KIẾN NGHỊ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Với vai trò, vị trí quan trọng và tiềm năng, lợi thế về phát triển ngành nghề nông thôn của đất nước, đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

1. Chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp phát triển ngành nghề nông thôn đã được Chính phủ phân công tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP và các nhiệm vụ cụ thể tại mục V Báo cáo này.

2. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các

lược phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021-2030, nhằm thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực ngành nghề nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn”./.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 126/BC-BNN-KTHT ngày 08/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)